

Tây Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

- Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số 135/GCN-BXD ngày 09 tháng 07 năm 2021.

Thực hiện Công văn số 2635/SXD-VLXDMT ngày 12/03/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện việc công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang.

Quyết định thành lập số: 01-2016/QĐ-CTY ngày 09 tháng 09 năm 2016.

Địa chỉ: Số 73 đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0918 383 353 Email: phathungkhang@gmail.com

Mã số thuế: 3901219829

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật và Vật liệu Xây dựng

(Đã được cấp giấy chứng nhận số 135/GCN-BXD ngày 09 tháng 07 năm 2021 Mã số: LAS-XD 1635)

Địa chỉ: Số 73 đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0918 383 353

Email: phathungkhang@gmail.com

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				
1.	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Bình tỷ trọng 1000ml; Tủ sấy; Sàng có lưới N°2 (2 mm); Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt; bình hút chân không; Cối chà sứ, phễu, cốc nhỏ có nắp	Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thanh Nhanh, Hoàng Trọng Đồng, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216-19	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Tủ sấy; Sàng 1 mm; Bình hút ẩm có Canxi clorua; cối chà sứ, khay	
3.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Tủ sấy; Sàng 1 mm; Tấm kính nhám, dụng cụ Casagrande; khuôn; tấm kính nhám; sàng 1.0mm; Hộp, cối chà sứ, dao...	
4.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014; ASTM D6913/D6913M-17; ASTM D7928-21e1	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình hút ẩm, cối chà sứ, bình phun tia...Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm, bộ sàng thành phần hạt, ...	
5.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23	Máy cắt phẳng; Hộp cắt mẫu; Vòng lực 1, đồng hồ số 0-10mm; Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Dao vòng, thước, tấm kính...	
6.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-11(2020)	Máy nén tam liên; Đồng hồ số 0-10mm, Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Dao vòng, dao gạt đất, thước, tấm kính...	
7.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012;	Cân kỹ thuật (0,01g); Sàng 5mm, Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, cối sứ, chày bọc cao su, ...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
8.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình hút ẩm	
9.	Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:20	Máy nén gia tải, đầu nén hình trụ có đường kính 49.63mm, đồng hồ đo chuyển vị, khuôn CBR, cân phân tích, . . .	Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thanh Nhanh, Hoàng Trọng Đồng, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
10.	Phương pháp đầm nén Proctor	TCVN 12790:20	Khuôn đầm, chày đầm, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng, dụng cụ tháo mẫu, . . .	
11.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01	Máy nén, cân phân tích, tủ sấy, dao gạt mẫu, . . .	
12.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Phao, quang cheo mẫu, lưới ô vuông 1cm ² , thùng đựng nước.	
13.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12	Bàn và giá đỡ đồng hồ đo biến dạng, hộp chứa nước, dao vòng, đồng hồ đo biến dạng.	
14.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12	Dao vòng, thước kẹp, cân phân tích, . . .	
15.	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12	Mâm tròn bằng thép, sàng 2mm, sàng 5mm, khay đựng mẫu, thùng chứa nước, . . .	
16.	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:11	Máy nén, tấm đệm truyền tải, dao cắt mẫu, . . .	
17.	Xác định sức kháng nén của trụ đất xi măng	TCVN 9403:12	Máy nén, tấm đệm truyền tải, dao cắt mẫu, . . .	
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
18.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; TCVN 8297:09; TCVN 8729:12	Dao đai, cân kỹ thuật, tủ sấy, bếp ga, hộp nhôm, . . .	Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thanh Nhanh,
19.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06	Bộ thí nghiệm rót cát gồm bình đựng cát, phễu rót cát; cân kỹ thuật, cát chuẩn, tủ sấy, bếp ga, . . .	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
20.	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:11	Thước 3m.	Hoàng Trọng Đồng, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
21.	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; 22TCN 211:06	Kích thủy lực, tấm đế nén, đồng hồ đo biến dạng, ...	
22.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Bàn xoa có đường kính từ 6-:-7.5mm; ống đong cát có thể tích 25cm ³ ; cát chuẩn; bàn chải sắt; thước có vạch chia 1mm, ...	
23.	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường mềm bằng cần đo độ võng Benkelman	TCVN 8867:11	Cần Benkelman, đồng hồ đo biến dạng, ...	
24.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12	Máy đo điện trở.	
25.	Kiểm tra ống bê tông cốt thép, cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9113:12; TCVN 9116:12	Máy nén thủy lực; thanh gối tựa; kính phóng đại; thước căn lá; đệm cao su; Tấm thép; đồng hồ đo thời gian; bay nhỏ mũi nhọn; dao thép; matit bitum; ...	
26.	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:20	Máy nén, máy khoan lấy mẫu, máy cắt mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, ...	
27.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thí nghiệm SPT)	TCVN 9351:12	Thiết bị khoan tạo lỗ; đầu xuyên; búa đóng.	
28.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12	Tấm nén, các thiết bị chát tải, neo giữ, đồng hồ đo biến dạng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
29.	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM 4429:93; TCVN 8821:11	Kích gia tải; thiết đo lực; thiết bị đo chuyển vị; đầu xuyên hình trụ đường kính 50.8mm; cần nối; các tấm gia tải hình vành khuyên; . . .	Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thanh Nhanh, Hoàng Trọng Đồng, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
30.	Quan trắc lún công trình, đo chuyển vị ngang, đo độ nghiêng công trình, trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9360:12; TCVN 9398:12; TCVN 9399:12; TCVN 9400:12; TCVN 8215:12	Máy toàn đạc hay máy thủy bình, mia, . . .	
31.	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:12; ASTM E455, E529	Kích gia tải hoặc các cục tải đúc sẵn để gia tải; thiết bị đo chuyển vị.	
32.	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:12	Vòng chắn có chiều cao 20 đến 25cm thành có chiều dày 3 đến 5mm; thùng cấp nước có chia vạch; đồng hồ bấm giờ; dụng cụ đào đất; . . .	
33.	Thí nghiệm Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, lượng mất nước, tính ổn định	TCVN 11893:17	Cân kỹ thuật; tủ sấy; bộ sàng; tỷ trọng kế; Phễu 500ml/700ml; Thiết bị đo hàm lượng cát; Ống đong 1000ml; Dụng cụ đo PH; . . .	
34.	Son kẻ đường nhiệt dẻo, son phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh,	TCVN 8791:18	Bộ gia nhiệt (lò nung hay bếp); thùng đựng mẫu; nhiệt kế; tấm mẫu nền kích thước 150x100x5mm hay 200x200x5mm; tủ hút, quạt hút;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	độ phát sáng, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn,		tủ sấy; bình hút ẩm; cân kỹ thuật; giấy lọc; bộ sàng; máy mài, đĩa mài; bình tỷ trọng; bể nước; . . .	
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
35.	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ rỗng của khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	TCVN 12884:20 TCVN 4195:12 TCVN 4197:12	- Bộ sàng gồm 5 cỡ sàng: 1,25 mm; 0,63 mm; 0,315 mm; 0,14 mm và 0,071mm - Cân kỹ thuật; bát sứ; chày bọc cao su; tủ sấy; bình hút ẩm; hộp nhôm; bình tỷ trọng; cân thủy tinh; nhiệt kế; chậu đựng nước.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
VẢI ĐỊA KỸ THUẬT- BÁC THÁM				
36.	Cường độ kéo, kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11	Máy kéo, ngàm kẹp, thiết bị đo kích thước, bể ngâm mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
37.	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11	Máy kéo, ngàm kẹp, thiết bị đo kích thước, bể ngâm mẫu.	
38.	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:11	Máy nén, mũi xuyên, ngàm kẹp, thước đo, . . .	
39.	Sức chịu chọc thủng	TCVN 8871-4:11	Máy nén, mũi xuyên, ngàm kẹp, thước đo, . . .	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
40.	Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:11	Bộ ray, tủ sấy, cân kỹ thuật, hạt thủy tinh, . . .	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
41.	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:12	Máy kéo, ngàm kẹp, thiết bị đo kích thước, bể ngâm mẫu.	
42.	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09	Cân kỹ thuật, khuôn lấy mẫu, thước thẳng, kéo, . . .	
43.	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09	Khuôn lấy mẫu, thiết bị đo độ dày, . . .	
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
44.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605:23	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, dụng cụ đo thời gian,	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
45.	Xác định giới hạn uồn và nén	TCVN 6016:11 ISO 679:09	Máy nén, bể ngâm mẫu, máy trộn, . . .	
46.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15 ISO 9597:08 TCVN 8875:12	Cân kỹ thuật, ống đồng có chia vạch, máy trộn, đồng hồ bấm giây, thước, khuôn vicat, khay ngâm mẫu, . . .	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
47.	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7572-1:06	Cân kỹ thuật, dụng cụ lấy mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
48.	Xác định thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:06	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, . . .	
49.	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, kính lúp, kính hiển vi, . . .	
50.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:06 AASHTO T84	Cân kỹ thuật, bình dung tích, tủ sấy, sàng, thùng ngâm mẫu, . . .	
51.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06 AASHTO T85	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, . . .	
52.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06	Thùng đong, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước, bộ sàng, phễu chứa vật liệu, . . .	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
53.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
54.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây, ...	
55.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	Ống dung dịch, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng có kích thước lỗ 20mm, thang màu,	
56.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy nén, máy khoan hoặc máy cắt mẫu, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, . . .	
57.	Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, xi lanh bằng thép có đáy dẹt. . .	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
58.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, bộ sàng, ...	
59.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:06	Cân kỹ thuật, cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng, chày cối, chén xư, lò nung, bếp cách thủy, bình hút chân không, ...	
60.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06	Máy khoan lấy mẫu, Cân kỹ thuật, cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng, búa, bếp điện, . .	
61.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06	Cân kỹ thuật, cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng, lò nung, cốc nung, bình 1000ml, ...	
62.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá	TCVN 7572-17:06 AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng, búa, kim sắt, ...	
63.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật, kính lúp.	
64.	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:06	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, bình kim loại, bếp cách thủy, chén xư, bình định mức 20ml, giấy lọc, ...	
65.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, ...	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BT VÀ BT NẶNG				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
66.	Xác định độ sụt của hỗn hợp BT	TCVN 3106:22	Côn thử độ sụt, tấm nền, thanh đầm, đồng hồ, thước đo, bay.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
67.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp BT nặng	TCVN 3108:22	Máy nén, đệm truyền tải, đồng hồ bấm giờ.	
68.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22	Khuôn thép, bàn dung, thanh đầm, cân kỹ thuật, sàng, thước đo, tủ sấy, khay, thùng kim loại, ống đong, bay, giấy thấm.	
69.	Xác định hàm lượng bột khí của BT	TCVN 3111:22	Bình thử bọt khí, thanh gạt, sàng, bàn dung, tấm làm mặt, ống đong nước, . . .	
70.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22	Bình dung tích 100ml, cân, tủ sấy, bép chách thủy, sàng, bình hút ẩm, . . .	
71.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, bàn chải, đá mài, bình hút ẩm.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
72.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:22	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, bình hút ẩm, túi cách hơi hoặc thùng kín.	
73.	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:22	Máy thử độ chống thấm, khuôn đúc, bàn chải sắt.	
74.	Xác định Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:22	Khung đo, đồng hồ đo biến dạng, cân kỹ thuật, nhiệt kế, . . .	
75.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	Máy nén, đệm truyền tải, thước đo, đồng hồ bấm giây, . . .	
76.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:22	Máy nén, cơ cấu truyền lực, thước đo	
77.	Xác định cường độ chịu kéo khi bừa	TCVN 3120:22	Máy nén, gói truyền tải, tấm đệm.	
78.	Xác định cường độ lắng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22	Máy nén, khung đo biến dạng, đồng hồ đo biến dạng, thước.	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG				
79.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông,
80.	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:22	Cân kỹ thuật, máy trộn, xăng, bay, thìa, thùng đựng mẫu.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
81.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bay, bàn dần, ...	Trần Võ Quân Bảo.
82.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại.	
83.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh.	
84.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:22	Máy nén, khuôn đúc mẫu, bộ gá uốn mẫu.	
85.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG				
86.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Thước đo có độ chính xác tới 0.1mm	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
87.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén, máy cắt mẫu, thước đo, ..	
88.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy nén, máy cắt mẫu, thước đo, ..	
89.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	
90.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo.	
91.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	
92.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09	Thùng ngâm mẫu, thước đo.	
93.	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:09	Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy.	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG NHẸ				
94.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác	TCVN 9030:17	Thước thẳng, thước ke vuông, thước nivo, thước lá, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, bay, dụng cụ làm phẳng mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô			Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)				
95.	Xác định kích thước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ chịu nén	TCVN 7959:11	Thước, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, bay, dụng cụ làm phẳng mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG (GẠCH BÊ TÔNG CỐT LIỆU - XI MĂNG)				
96.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước	TCVN 6477:16	Thước thẳng, thước lá, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, bay, dụng cụ làm phẳng mẫu, cát khô.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN				
97.	Kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt, độ mài mòn.	TCVN 6065:95	Thước, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, máy mài mòn.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT				
98.	Xác định chỉ tiêu cơ lý, xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn, độ mài mòn, độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415:16 ISO 10545-16:2010	Thước, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, bay, dụng cụ làm phẳng mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
99.	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ mài mòn, độ cứng bề mặt	TCVN 4732:07	Thước, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, bay, dụng cụ làm phẳng mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO				
100.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:13	Thước thẳng, thước nivo, thước lá, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, bay, thùng ngâm mẫu.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
THỬ NGHIỆM KIỂM TRA KIM LOẠI, HÀN				
101.	Thử kéo	TCVN 197:14 ISO 6892-1:2009	Máy kéo, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước thẳng.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
102.	Thử uốn	TCVN 198: 2008 ISO 7438: 2005	Máy nén, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước thẳng, gôi nuồn.	
103.	Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:10 ISO 5173: 2009	Máy nén, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước thẳng, gôi nuồn.	
104.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:91	Máy kéo, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước thẳng	
105.	Thử kéo bu lông; xác định kéo dọc trụ bu lông	TCVN 1916:95	Máy kéo, thước kẹp, thước thẳng.	
106.	Thử cốt thép bê tông mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:09	Máy kéo, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước thẳng.	
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG				
107.	Xác định hàm lượng cặn không tan; hàm lượng muối hòa tan; Xác định độ pH	TCVN 4560:12 TCVN 6492:11 ISO 10523:2008	Thiết bị đo PH, cân kỹ thuật, cốc đựng nước, ống đong, giấy lọc.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông,
108.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:2011 ISO 10304:2007	Ống đong, cân kỹ thuật, cốc, thuốc thử, . . .	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
109.	Xác định hàm lượng ion Sunfat SO_4^{2-}	TCVN 6200:2011	Ổng đong, cân kỹ thuật, cốc, thuốc thử, . . .	Trần Võ Quân Bảo.
110.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88	Ổng đong, cân kỹ thuật, cốc, thuốc thử, . . .	
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
111.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 ASTM D 6927	Máy nén Marshall, máy đầm mẫu, khuôn đúc mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, thau đựng mẫu, bể ổn nhiệt, . .	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
112.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11	Máy quay ly tâm, giấy lọc, cân kỹ thuật, tủ sấy, bếp điện, khay đựng mẫu, lò nung, cốc nung, . . .	
113.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11 AASHTO T11 AASHTO T27	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật.	
114.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của Bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy, . . .	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
115.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11	Cân kỹ thuật, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu để cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế.	
116.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật.	
117.	Xác định độ góc cạnh của cát, của cốt liệu thô	TCVN 8860-7:11 TCVN 11807:17	Ổng đong, thùng đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, cân kỹ thuật, tủ sấy.	
118.	Xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8:11	Cân kỹ thuật, thước kẹp, . . .	
119.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy, . . .	
120.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11		
121.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11		
122.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông	TCVN 8860-12:11	Máy nén Marshall, máy đầm mẫu, khuôn đúc mẫu, cân kỹ thuật, tủ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	nhựa		sấy, thau đựng mẫu, bể ổn nhiệt.	
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT				
123.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05	Thiết bị thử độ kim lún.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.
124.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05	Thiết bị thử độ kéo dài, bể ổn nhiệt, ...	
125.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05	Bộ thí nghiệm nhiệt độ hoá mềm: vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, bình, khung treo, nhiệt kế.	
126.	XĐ điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:05	Thiết bị cốc hồ Cleveland: cốc thử, tấm gia nhiệt, bếp; nhiệt kế.	
127.	Xác lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05	Tủ sấy, nhiệt kế, cốc nung, cân kỹ thuật.	
128.	Xác định lượng hòa tan trong Tricloretylen	TCVN 7500:05	Cốc Gooch (cốc thử), lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, Bình Erlenmeyer 125 ml, tủ sấy, cân kỹ thuật, hoá chất Tricloretylen.	
129.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, cân kỹ thuật.	
130.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	Dây buộc, khung treo, bếp gia nhiệt, nhiệt kế, bình thủy tinh hoặc bình chứa bằng kim loại.	
131.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11	Bình trung cất, thiết bị gia nhiệt, cân kỹ thuật.	
132.	Thí nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:11		
133.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11	Nhớt kế Saybolt Furol, phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, bình thủy tinh, pipet, đồng hồ bấm giây.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	
134.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11	Bình thủy tinh, pipet, cân kỹ thuật, cốc, tủ sấy.	Nguyễn Văn Sơn, Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo.	
135.	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11	Sàng, nhiệt kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc thủy tinh, khay kim loại.		
136.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11	Sàng tiêu chuẩn, cốc kim loại, đĩa kim loại, buret thủy tinh dung tích 50ml có chia vạch, cân kỹ thuật, tủ sấy, thuốc thử.		
137.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11	Sàng, khay kim loại, chảo trộn dung tích kháng 500ml, đĩa trộn, ống đong, cân kỹ thuật, tủ sấy.		
138.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11	Chảo trộn, dao trộn, sàng, bình phun nước, cân kỹ thuật, ống pipet.		
139.	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11	Cốc, đĩa (bằng thủy tinh hoặc kim loại); cân kỹ thuật; tủ sấy; sàng tiêu chuẩn.		
140.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11	Cốc trộn, cốc rửa (bằng thủy tinh hoặc kim loại có dung tích khoảng 1000ml); dao trộn; tủ sấy; cân; khay kim loại; ống đong; . . .		
141.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11	Cốc thủy tinh dung tích 400ml; ống đong thủy tinh dung tích 100ml, 200ml; nhiệt kế; đĩa khuấy.		
142.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11	Bình đong bằng kim loại, cân kỹ thuật, bể ổn nhiệt.		
143.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN8817-15:11	Cốc kim loại có dung tích 500ml; chảo trộn có dung tích 2500 - 3000ml; ống đong; dao trộn; sàng tiêu chuẩn lỗ sàng 19mm.		Nguyễn Văn Sơn,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
144.	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng xoay.	TCVN 11710:17	Tủ sấy, nhiệt kế, cân kỹ thuật, giá làm mát, ...	Trần Minh Thông, Trần Võ Quân Bảo
145.	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng.	TCVN 11711:17	Tủ sấy, nhiệt kế, cân kỹ thuật, giá làm mát, ...	

Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Võ Đông Giang